

TRAO ĐỔI

TẢN MẠN VỀ QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP VÀ THÁI ĐỘ NGHIÊN CỨU SỬ HỌC

Trần Văn Chánh*

Những năm gần đây, nhiều vấn đề lịch sử nói chung hay nhân vật lịch sử nói riêng đã được giới nghiên cứu sử học xem xét lại, nhờ vậy vấn đề triều Nguyễn hay một vài nhân vật lịch sử nổi bật như vua Gia Long, các cụ Lê Văn Duyệt, Phan Thanh Giản, Nguyễn Trường Tộ, Trương Vĩnh Ký, Phạm Quỳnh... cũng đã được đánh giá lại trong một tinh thần thông thoáng cởi mở hơn xưa rất nhiều, và việc làm này được nhiều người hoan nghênh tán đồng.

Có lẽ từ giờ trở đi, nhân dân Việt Nam khỏi phải mất công tranh cãi nhau dài dòng về tư cách tốt xấu của cụ Lê Văn Duyệt hay cụ Phan Thanh Giản nữa. Nghe tin cụ Lê Văn Duyệt được dựng tượng đồng, cụ Phan Thanh Giản được đánh giá tốt lại như thế, chắc không ai mừng gì riêng cho cá nhân các cụ, vì dù sao các cụ cũng đã ra người thiên cổ từ lâu, nhưng mừng cho nhân dân địa phương tại những nơi quê hương xứ sở của các cụ có được những tấm gương sáng rạch ròi để mà hãnh diện và noi theo. Và ở một đẳng khác, mừng cho giới sử học ngày nay đã thoát ra được thời kỳ dài bị sự chi phối của chủ nghĩa giáo điều để có được những nhận thức sáng suốt đúng đắn hơn về một số vấn đề liên quan đến lịch sử và nhân vật lịch sử, nhờ thế đã xác nhận lại lần nữa cho chắc nịch những điều mà toàn dân thật ra đã có nhận thức từ lâu. Những sự đánh giá lại như thế mặc dù rất đáng hoan nghênh, nhưng nếu xem xét bằng thái độ khiêm tốn khách quan, người ta có lẽ không nên hào hứng hiểu theo nghĩa các cụ vừa được những kẻ hậu sinh “xá tội”, mà phải hiểu theo chiều khác là việc buộc tội hồ đồ của một số người đánh giá sai trước đây đã được bỏ qua, không cần nhắc lại để trách cứ, vì ở đây, với tinh thần sử học chân chính, không nên nhấn mạnh đến sự hơn thua, hay dở hoặc tìm cách phô trương uy tín cho phe nhóm trong những cuộc tranh luận liên quan vấn đề quan điểm nhận thức, mà cần nhất một thái độ trung thực và quảng đại hướng tới tương lai, bởi có cả một thời kỳ khá dài, vì những lý do cũng thuộc lịch sử, liên quan đến chính trị nhất thời, khái niệm về tự do trong nghiên cứu học thuật nói chung và sử học nói riêng là một điều nếu không xa lạ thì vẫn còn rất mù mờ. Trong một hoàn cảnh sinh hoạt như thế, tư duy về mọi vấn đề liên quan đến học thuật tư tưởng của các văn nhân-học giả tất nhiên đã phải chịu những hạn buộc khắt khe mà bây giờ lần lần họ mới nói ra, như trường hợp GS sử học Phan Huy

* Thành phố Hồ Chí Minh.

Lê mãi mấy năm gần đây mới khai thật (trên tạp chí *Xưa và Nay*) nhân vật Lê Văn Tám chỉ là do người tiền bối bậc thầy ông là cố GS Trần Huy Liệu sáng tác ra để động viên phong trào kháng chiến... Nghĩ cũng có chỗ đáng thương cảm cho GS Trần Huy Liệu, mãi khi đến phút lâm tử mới “dám” trối trăng lại sự thật, nhưng như thế thì nên gọi ông là nhà giáo dạy sử yêu nước, nhà cách mạng đáng tôn kính hơn là nhà sử học, bởi bản chất của sử học, nếu đã có chữ “học” trong đó rồi thì phải tôn trọng sự thật, nhằm khám phá ra sự thật qua lớp bụi thời gian đi cùng với những diễn biến phức tạp, coi chân lý lịch sử như là một trong những tiêu chí hàng đầu của mọi quá trình tìm tòi-nghiên cứu, vì nếu không như thế thì cũng không cần duy trì phân môn phương pháp sử học trong khoa sử để làm gì. Điều này có nghĩa, viết sử thì không thể muốn thêm thắt cái gì trong đó theo ý chí chủ quan của mình cũng được, cho dù có nhân danh bất kỳ một yêu cầu đặc biệt nào khác!

Trong tinh thần sử học như thế, mặc nhiên chúng ta cũng chấp nhận mọi sự tranh luận tự do để tìm ra các sự thật truyền lại cho thế hệ sau. Sự thật là một lẽ, còn bao biếm khen chê là một lẽ, nhưng khi đánh giá một nhân vật hay sự kiện lịch sử thì cũng phải dựa trên sự thật. Không phải vì yêu thương cụ Phan Thanh Giản mà nói cụ cái gì cũng tốt, cũng như không phải vì ghét ông Hoàng Cao Khải vì lý do ông hợp tác với thực dân Pháp mà cho ông cái gì cũng xấu. Đã có thời gian, trong giới nghiên cứu văn-sử học, tức trong cái môi trường tiêu biểu nhất của nền văn hóa một dân tộc, phạm hễ ai bị đặt vào cái thế “phản diện” thì đều bị gọi bằng “y”, bằng “hắn”, như vua Gia Long khi chưa được nghiên cứu kỹ cũng bị nhà nghiên cứu văn-sử học nổi tiếng TC gọi là “hắn” trong một bài dẫn nhập cho tập thơ chữ Hán Nguyễn Du. Tương tự như thế, về phương diện sự kiện lịch sử, cái cách viết sử “ta thắng, địch thua”, hoặc cho cuộc nổi dậy nào cũng là phong trào của nông dân mang tính cách mạng tiến bộ chống lại triều đình phong kiến, vốn được khuôn định trong quan điểm về đấu tranh giai cấp, cũng là một lối viết sử thiếu tinh thần khách quan cần được xem xét lại.

Chính vì loại thiên kiến nêu trên mà người ta cứ cho phạm hễ thuộc về nhân vật anh hùng Quang Trung thì phải ngon lành hơn nhân vật lịch sử Nguyễn Ánh, triều đại Nguyễn Quang Trung ưu việt hơn triều đại Nguyễn Gia Long, đơn giản chỉ vì Nguyễn Huệ xuất thân từ nông dân, Nguyễn Ánh là kẻ đối đầu của Nguyễn Huệ, trong khi đó hoạt động của Quang Trung mãi đến ngày hôm nay vẫn còn phải tiếp tục tìm hiểu, có những khoảng khuất lấp cần soi sáng dần qua những cứ liệu lịch sử ngày một thêm phong phú.

Quan điểm về đấu tranh giai cấp, đáng được coi là một phát hiện quan trọng của phương pháp luận sử học, và cho vài khoa học xã hội khác nữa, thay vì được sử dụng một cách hợp lý-có chọn lọc theo đúng giá trị thật của nó, và như ước vọng của những người phát hiện ra nó, góp phần vào việc soi sáng bức tranh lịch sử, đã có thời kỳ dài được coi là công cụ độc tôn duy nhất đúng để giải thích mọi hiện tượng lịch sử. Sự đề cao quan điểm độc

tôn này rõ ràng là không phù hợp với phương pháp sử học đích thực, vì nếu như vậy mà cho là phù hợp thì tất cả những nhà sử học lỗi lạc thời xưa như Tư Mã Thiên và thời cận-hiện đại như Arnold Toynbee (1852-1883), Will Durant (1885-1981)... chắc là họ đã trình bày và diễn giải lịch sử trật lất hết, còn sách giáo khoa về môn lịch sử ở các nước Anh, Pháp, Mỹ, Ấn Độ... không theo quan điểm đấu tranh giai cấp có lẽ cũng đều lệch lạc và không xài được tất!

Chúng ta chấp nhận mọi sự tranh luận với nhiều ý kiến khác nhau, nhưng cũng chỉ nhắm vào mục đích tôn trọng sự thật lịch sử. Nếu có kèm thêm mục đích giáo dục quần chúng thì cũng không nên để thoát khỏi cơ sở tôn trọng sự thật, bởi trong thực tế lịch sử của một dân tộc vốn đã có biết bao tấm gương tốt để noi, gương xấu để tránh, bài học lịch sử thành công hoặc thất bại để rút tĩa, thì không cần gì phải thêm dặt, như đã thêm dặt chuyện Mai Thúc Loan khởi nghĩa năm 722 vì “nạn cống vải” sang nhà Đường Trung Quốc (xem tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 2 (67). 2008), chuyện Lê Văn Tám chống Pháp tắm xăng làm đuốc nhẩy vào kho xăng Thị Nghè năm 1946 (xem tạp chí *Xưa và Nay*, tháng 10/2009)... Nếu vì một lý do quá đặc biệt và bất đắc dĩ phải thêm dặt, vì quyền lợi công chúng, cũng thuộc vấn đề lịch sử, thì sau khi giai đoạn lịch sử đặc biệt đó đã qua rồi, cũng phải trả cho sự thật được trở về... Nếu vì lý do tuyên truyền giáo dục quần chúng, có thể viết thêm các thể loại dã sử, giai thoại về nhân vật lịch sử (như kiểu viết trong các tác phẩm *Tang thương ngẫu lục*, *Lĩnh Nam dật sử*, *Tây Sơn thuật lược*, *Việt sử giai thoại*...), mà không cần đưa những nội dung có tính huyền thoại vào sách giáo khoa dạy cho học trò vì yếu tính của sách giáo khoa là sự thật khoa học.

Có một quy luật, dường như chung nhất: không có tự do tư tưởng thì đừng mong có một ngành nghề nào phát triển được, từ âm nhạc, thi ca, phim ảnh, cho đến các ngành khoa học tự nhiên, và sử học.

Việc các cụ Lê Văn Duyệt, Phan Thanh Giản, Nguyễn Trường Tộ, Trương Vĩnh Ký... trong một thời kỳ khá dài bị một bộ phận giới sử học quan phương đánh giá xấu thường được người dân Việt Nam hiểu một cách thô sơ qua việc xóa bỏ tiểu sử của họ trong sách giáo khoa; các tượng thờ, tên đường, tên trường học mang tên các cụ cũng bị xóa bỏ tại nhiều địa phương khác nhau, vì lý lịch các cụ phần nhiều đều có liên quan mật thiết đến triều Nguyễn, thời kỳ thực dân Pháp, hoặc với Công giáo. Nhìn chung, người dân phần nhiều không nghiên cứu kỹ sử sách nhưng họ đều lấy làm hoang mang kinh ngạc trước việc một số cụ đang tốt bỗng nhiên hóa xấu. Bởi chỉ cần phán đoán theo lương tri thông thường không phải thông qua nghiên cứu sâu xa như Viện Sử học, ai cũng biết những người như cụ Lê Văn Duyệt được nhân dân trân trọng thờ phụng, như cụ Phan Thanh Giản từ bỏ cả mạng sống (cái quý nhất ở cá nhân con người) khi vì tình thế bức bách khách quan phải giao thành cho giặc để tránh cho sinh linh đỡ bị tàn sát,

như học giả Trương Vĩnh Ký trong và ngoài nước đều kính trọng dựng tượng thờ... thì không thể là những người tội tệ phản dân hại nước cho được. Do vậy, nếu có những sự đánh giá cầu thả, sai lạc về các cụ trong một thời của một số người nào đó trong giới sử học hoặc chính quyền (chứ không phải của cả giới sử học hoặc của tất cả mọi người trong chính quyền) thì điều này gợi ý cần phải coi lại triệt để phương pháp và thái độ nghiên cứu lịch sử, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết trong tương lai khi cần áp dụng kiến thức và tư duy lịch sử soi xét, đánh giá những vấn đề hoặc nhân vật lịch sử khác. Điều quan trọng là những người đưa ra các đánh giá phải không được xuất phát từ bất kỳ một quan điểm giáo điều nào, cũng như ít nhất họ phải dựa trên cơ sở sử liệu đầy đủ đã được thẩm tra kỹ, và một mặt khác đôi khi họ cũng phải có tư cách-nhân cách tương đương hoặc cao hơn các đối tượng nhận sự đánh giá của họ. Một người viết được vài ba bài viết trên mặt báo hoặc tập tiểu luận nhỏ về sử học, khi nhận xét về cụ Phan Thanh Giản chẳng hạn, ít nhất cũng phải biết để cân nhắc cụ là một người ăn học đàng hoàng, văn hay chữ tốt, đỗ tiến sĩ đầu tiên ở Nam Bộ, và từng giữ chức Tổng tài Quốc Sử Quán, tổ chức biên soạn bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (gồm 53 quyển) vốn được coi là một bộ sử Việt biên soạn cẩn thận và đồ sộ nhất từ trước đến giờ.

Có một vấn đề cũ mèm được nói nhiều nhất có lẽ trong các giới nghiên cứu văn học và lịch sử, nhưng lại luôn bị áp dụng một cách lúng túng sai lạc do ảnh hưởng nặng nề của tệ giáo điều, đó là chủ nghĩa duy vật lịch sử mà về mặt áp dụng để nghiên cứu văn học-sử học thì quen gọi bằng cụm từ “quan điểm lịch sử cụ thể”. Karl Marx nói rằng không ai được chọn thời để sinh ra cũng như không ai được quyền lựa chọn lực lượng sản xuất cho mình, nói nôm na là khi người ta sinh ra thì nhiều cái đã có trước, không tùy thuộc vào ý muốn chủ quan của bất kỳ ai. Đó cũng là một khía cạnh quan trọng của cái gọi là bối cảnh hay hoàn cảnh lịch sử mà con người hầu như không thể thoát ra được. Ở một chỗ khác, ông viết: *“Quan điểm của tôi cho rằng sự phát triển của hình thái kinh tế của xã hội có thể coi như quá trình của tự nhiên và lịch sử của tự nhiên. Cho nên so với mọi quan điểm khác, quan điểm của tôi có thể ít quy trách nhiệm cho cá nhân hơn về những quan hệ mà xét theo nghĩa xã hội, cá nhân đó trước sau vẫn là sản vật, dù cho về mặt chủ quan cá nhân đó có thoát khỏi những quan hệ ấy như thế nào chăng nữa”* (Về những quy luật kinh tế trong chủ nghĩa xã hội, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 12). Marx cũng nhận định thật tài tình *“Lịch sử chẳng qua chỉ là hoạt động của con người theo đuổi mục đích của bản thân mình”* (C. Mác và Ph. Ăngghen, *Gia đình thần thánh hay là phê phán sự phê phán có tính chất phê phán*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1971, tr. 163).

Nếu xét theo quan điểm đại loại như trên thì triều Nguyễn được dựng nên ứng vào thời kỳ sung mãn nhất của cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật thế kỷ 19. Việc phát minh ra chiếc máy hơi nước giải phóng sức sản xuất cùng với việc khám phá thêm các đường hàng hải mới đã dẫn đến sự bành

trưởng của chủ nghĩa thực dân lúc đó đang cần rất nhiều nguyên liệu, nhân công và thị trường tiêu thụ. Đây là sự diễn biến tất yếu khách quan trong quá trình phát triển của lịch sử chủ nghĩa tư bản thế giới. Nếu Pháp không dòm ngó Việt Nam trong lúc này thì cũng sẽ có một nước Bồ Đào Nha hay Y Pha Nho nào khác. Rủi thay, thực dân Pháp đã đặt tầm ngắm một cách thuận tiện vào Việt Nam giữa lúc trong nước còn đang chiến loạn nhiều nhưng, hai thế lực Nguyễn Ánh và nhà Tây Sơn quần thảo nhau kịch liệt một mất một còn. Trong lúc núng thế, gặp được một số đoàn truyền giáo khi đó cũng đang muốn triển khai việc mở đạo ở Việt Nam hứa giúp, lẽ tất nhiên Nguyễn Ánh phải xem đây là một cơ hội, dù có thể là “một cái xấu cần thiết”. Những đoàn truyền giáo này ngược lại đang cần tranh thủ sự ủng hộ vừa của chính quốc vừa của những ông chúa tể bản xứ, trong khi chủ nghĩa tư bản phương Tây cũng cần dựa vào những thế lực này để mở rộng các thị trường thuộc địa, Nguyễn Ánh thì cần súng ống, tàu chiến đánh Tây Sơn, thế là một sự kết hợp nhuần nhuyễn trùng khớp đã xảy ra một cách khách quan để thỏa mãn nhu cầu của tất cả các bên liên quan. Việc đầu tiên và cấp bách Nguyễn Ánh cần làm là diệt được quân Tây Sơn trước đã bằng bất kỳ phương tiện nào, bởi mối thù “chỉ non Tây thề chẳng đội trời chung”, chứ hoàn toàn không cố ý muốn cầu thân với Pháp. Khía cạnh ngẫu nhiên của hoàn cảnh còn nằm ở chỗ ông là người theo tổ tiên vào lập nghiệp ở miền Nam trước nên có nhiều cơ hội tiếp xúc nhiều hơn với các nhà truyền giáo lúc đó đang cần liên lạc, tranh thủ sự che chở của ông để truyền đạo. Diệt được Tây Sơn rồi mọi việc sẽ tính sau, đó là mục tiêu cấp thời mang tính sách lược tình huống của vị vua sáng lập triều Nguyễn. Nói Nguyễn Ánh “công rắn cắn gà nhà” là không đúng với thực tại lịch sử khách quan, cũng như nói giáo sĩ Alexandre de Rhodes hay Giám mục Bá Đa Lộc làm môi giới giữa Pháp với triều Nguyễn là những tên thực dân phản động lại càng sai lầm hơn về mặt quan điểm lịch sử. Bằng cơ là sang thời Minh Mạng (từ năm 1820), Thiệu Trị, các vị vua con, vua cháu này chẳng những không hợp tác với Tây mà còn thực hiện chính sách giết đạo tàn khốc (chứng tỏ không thân Pháp) để giải quyết cái di sản trớ trêu của lịch sử, và cũng chỉ trong khoảng thời gian đó các nhà vua mới có thể dám làm như vậy (dù không phải là việc làm đúng, tốt), do mối ân tình giữa vua cha (Nguyễn Ánh) với Bá Đa Lộc cùng một số tướng tá người Pháp coi như đã “sạch nợ giang hồ”.

Ngay như vua Quang Trung đại phá quân Thanh vào mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789) cũng vậy, nhiều tài liệu mới phát hiện gần đây cho biết một phần quan trọng là nhờ nhà vua đã biết sử dụng khéo léo các lực lượng hải khấu ở biển Đông (xem những bài viết của tác giả Nguyễn Duy Chính, đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* về đề tài Quang Trung). Trên thế giới cổ kim, không ít những thành tích lẫy lừng được người đời ca tụng của một số nhân vật lịch sử đã được làm nên không phải lúc nào cũng bằng những con đường chính quy chính thống bằng phẳng, vấn đề chỉ là sự thật lịch sử đã được phơi bày trong các bộ chính sử ở mức độ thế nào mà thôi.

Tương tự như vậy và mở rộng vấn đề ở một cấp khái quát hơn, nếu xét trên quan điểm lịch sử, tạm lấy thế kỷ thứ 19 làm mốc thí dụ, chủ nghĩa tư bản xuất hiện và bành trướng dưới hình thái chủ nghĩa thực dân là hậu quả tất yếu của cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật trong thế kỷ này. Tiếp theo, phong trào cộng sản là hậu quả tất yếu phản ứng lại chủ nghĩa tư bản man rợ thời kỳ đầu, nó lại kết hợp một cách “khế cơ” (ăn khớp) với phong trào cách mạng dân tộc dân chủ và giải phóng dân tộc, vừa chống phong kiến vừa chống thực dân ở một số nước thuộc địa trong thời kỳ “giải thực” toàn thế giới. Kết quả là một số chính quyền mang danh nghĩa chủ nghĩa cộng sản đã được thành lập, như trường hợp của Trung Quốc, Việt Nam và một số nước khác... Cứ thế lịch sử tuần tự nhi tiến, “trùng trùng duyên khởi”, chắc chắn sẽ diễn biến đến những giai đoạn tiếp theo như có thể hiện thấy, với những thứ di sản thuộc loại ngoài ý muốn (đi kèm theo những mặt tốt của các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc) vẫn đang cần tiếp tục giải quyết, như tệ nạn đặc quyền và tình trạng tham nhũng v.v.. ở một số nước. Riêng trường hợp các nước thực dân xâm lược, hiểu như một sự thể tất yếu không thể tránh khỏi của một thời kỳ phát triển nhất định trong lịch sử thế giới, trong khi đặt ách thống trị lên các quốc gia nhược tiểu, để phục vụ trước hết quyền lợi cho chính chủ nghĩa thực dân chứ không phải cho các dân tộc bản xứ bị nô lệ, nó cũng để lại, dù muốn hay không, một số di sản hữu ích “xài được” cho các dân tộc bị trị như khoa học-kỹ thuật, giáo dục, y tế, hành chính, các cơ sở hạ tầng nhà cửa đường sá cầu cống hiện đại, và đặc biệt là những tư tưởng về tự do dân chủ và cách mạng. Khi cục diện thế giới thay đổi, các dân tộc bị trị đến lượt mình đương nhiên đã sử dụng những thứ “xài được” đó chống lại ách áp bức bóc lột của chính thực dân, buộc các nước này phải buông tay bằng nhiều cách khác nhau (thông qua hoặc không cần thông qua cuộc chiến tranh giải phóng) để trao trả lại quyền độc lập tự chủ cho mình.

Trở lại cách nhìn thực tế lịch sử của một dân tộc hay một cộng đồng xã hội nào khác, có thể mượn cách diễn đạt khá tinh tế của ông Trần Bạch Đằng trong Lời giới thiệu cuốn sách *Lê Văn Duyệt với vùng đất Nam Bộ* (Bán nguyệt san Xưa & Nay và Nxb Trẻ, 2002): “*Người viết sử có thể phân chia diễn biến của quá khứ thành nhiều chương, hồi, theo một chủ điểm yêu ghét nào đó, có khi còn được gọi là chính thống; nhưng bản thân lịch sử thì nó triển khai đan xen với vô số mâu thuẫn và cách xử lý mâu thuẫn, không từ trong một kịch bản có sẵn nào cả*”.

Trong chiều hướng “giải hoặc” và “xét lại” phổ biến hiện nay để loại bỏ dần những cách đánh giá chính thống nhưng cực đoan và trái quan điểm lịch sử vì thiếu tính toàn diện, một số nhân vật cận đại ở Trung Quốc như Tăng Quốc Phiến, Tưởng Giới Thạch... có thời kỳ bị lên án cực độ ở lục địa, nay đã được người Trung Quốc nhìn nhận lại theo chiều hướng cởi mở hơn, và tư tưởng-tác phẩm của họ cũng đã được phổ biến khá nhiều trên các kệ sách ở mọi nơi.

Ngày nay, ở Trung Quốc không ai còn viết truyện hay làm phim để lên án Tần Thủy Hoàng là tàn bạo (mặc dù tàn bạo thật), Tào Tháo là gian hùng (mặc dù gian hùng thật)... làm gì nữa, vì như thế cũng vô ích. Ngược lại, một số đạo diễn có tài đã cố gắng dựng lên những bộ phim hay mô tả toàn diện tính cách của một số nhân vật, đặt họ đúng vào bối cảnh cụ thể của một thời kỳ lịch sử nhất định, tương ứng với những phong tục tập quán cùng lễ lối tư duy-hành động phản ánh cách hành xử của con người trong cả một giai đoạn lịch sử nhất định nào đó, do vậy mà Tần Thủy Hoàng hoặc Tào Tháo cũng có được những nét dễ thương đầy nhân tính song song với tính cách tàn bạo hoặc gian hùng không ai chối cãi của họ. Bộ phim *Công tử Bạc Liêu* được dàn dựng ở Việt Nam khoảng hơn 10 năm trước sở dĩ không thành công là vì những người thực hiện mãi lo phản ánh khía cạnh tiêu cực của vị công tử này nhắm vào chủ đề chống phong kiến nhiều hơn là nhìn “công tử” ở góc độ khách quan là một con người có gốc đại địa chủ thích ăn chơi nhưng tính tình hào sảng khả ái của vùng đất mới Nam Bộ.

Đánh giá nhân vật lịch sử vì thế rất cần có sự cân nhắc thận trọng về nhiều mặt trong tất cả mọi trường hợp. Ở Việt Nam, ngoài các nhân vật lịch sử lớn như Nguyễn Ánh (gắn với cả triều Nguyễn), Lê Văn Duyệt, Phan Thanh Giản... có lúc bị đánh giá nhầm, còn có những nhân vật khác như Nguyễn Trường Tộ, Trương Vĩnh Ký, Phạm Quỳnh... có thời gian khá dài cũng bị kết án oan về một số mặt cơ bản, khiến cho những con đường hay trường học mang tên họ đều bị xóa bỏ đi hết, và học sinh hoặc không biết gì về họ hoặc phải học hai môn văn học và lịch sử với những quan điểm và cách trình bày cực kỳ phiến diện.

Việc viết sử nói chung cũng thế, phải thận trọng giống như đánh giá nhân vật lịch sử. Ngoài nguyên tắc phải tôn trọng sự thật lịch sử trên cơ sở thu thập-phân tích-khảo chứng tư liệu và tôn trọng phương pháp sử học thuần túy, không để bị chi phối bởi bất kỳ giáo điều chính trị nào, người viết sử còn phải vận dụng chính xác cái gọi là “quan điểm lịch sử cụ thể” như đoạn trên của bài viết này đã cố gắng diễn giải. Ngoài ra họ còn phải hiểu đời một cách sâu sắc, thông đạt chính trị và nhân tình, hiểu được lý do các hoạt động của loài người, có tầm nhìn bao quát về tâm lý cuộc sống v.v., và tất cả những điều đó phải được thể hiện với một lương tri hay trực giác bén nhạy tối thiểu. Xét về các phương diện này, cho đến nay chúng ta vẫn có thể tạm coi bộ *Việt Nam sử lược* của cụ Trần Trọng Kim là một bộ “tín sử” hay nhất trong những bộ sử hiện có, bởi nó đã được cụ Trần căn cứ trên nhiều tài liệu rồi viết ra theo kiểu thấy sao nói vậy bằng cách nghĩ cách diễn đạt thận trọng của riêng mình với một lương tâm khá trong sáng, trong đó cụ không hề có một lời khen ai hoặc mạt sát ai quá đáng, tuy rằng nó vẫn chưa đạt tiêu chuẩn khoa học đầy đủ của một bộ thông sử có tính toàn quốc. Như khi bình luận về tư cách của Phan Thanh Giản, tác giả nói rất gọn mà thấm thía: “Bấy giờ ông đã già, đã ngoài 74 tuổi, làm quan thật là thanh

liêm, nhưng chẳng may gặp phải khi nước có biến, biết thế mình không làm gì được, đem tám lòng son sắt mà báo đền ơn nước cho hết bốn phận người làm tôi". Phải công tâm thừa nhận có một thời học sinh rất thích học môn lịch sử một phần là nhờ bộ *Việt Nam sử lược*, với cách trình bày các sự kiện lịch sử vừa ngắn gọn mạch lạc vừa hấp dẫn, lời lẽ ôn nhu khiêm tốn, bình phẩm có mức độ, đọc hay như một bộ tiểu thuyết trường thiên của dân tộc. Còn hiện nay, người ta than rằng học sinh không thích học môn lịch sử, dốt sử, thì cũng là một điều dễ hiểu và nên xem lại cách viết sử như là một hướng tiếp cận để nghiên cứu giải quyết vấn đề.

Tuy nhiên, lịch sử vốn thường là những diễn biến được mô tả lại bằng ngôn ngữ của kẻ chiến thắng, nên trong những cuộc "cải triều hoán đại", nó rất khó giữ được tính trung thực khách quan hoàn toàn. Chẳng hạn, trong những bộ chính sử do Quốc Sử Quán triều Nguyễn biên soạn khó thể tìm được chỗ nói tốt cho triều Tây Sơn Nguyễn Huệ, cũng tương tự như lịch sử do các cơ quan chính thức của nhà nước Trung Quốc viết ra thì hầu như việc gì của lực lượng Quốc Dân Đảng làm trong giai đoạn Tưởng Giới Thạch cầm quyền cũng đều tệ hại, phản động tất tần tật. Trong suốt thời kỳ Mao Trạch Đông cầm quyền, việc gì của Mao làm cũng được ca tụng, thành công gì trong các hoạt động khoa học, chính trị, văn hóa... cũng đều được quy công cho sự lãnh đạo anh minh của Mao. Các sách khoa học tự nhiên thời đó từ địa chất học cho đến thực vật học đều phải tôn Mao làm minh chủ. Phải đợi cho đến khi Mao Trạch Đông qua đời năm 1976 nhiều sự thật lịch sử mới được phơi bày ra ánh sáng, hàng ngàn người bị kết án oan đưa đi lao động khổ sai trong thời kỳ Cách mạng văn hóa được trả tự do, phục hồi danh dự; bản thân Mao cũng được đánh giá lại, nhưng vì nhiều lý do chính trị phức tạp và tế nhị nên vẫn chưa phơi bày đầy đủ, mặc dù hầu hết mọi chuyện đều đã được biết qua các lời truyền miệng hay công bố trên mạng Internet. Thực tế khó chối cãi này đặt ra một vấn đề hết sức tế nhị, là liệu có thể có được những bộ sử trung thực ở đâu đó trong những nước có hoàn cảnh tương tự như Trung Quốc, trong khi cái gọi là "chính sử" đều do các nhà đương cuộc tổ chức biên soạn bằng kinh phí nhà nước, còn tư nhân thì hầu như chắc chắn không ai được tài trợ để làm công việc này cả? Trong chiều hướng thực tế nói chung như thế, chúng ta có thể khẳng định một cách tương đối rằng, lịch sử thành văn khá trung thực thường chỉ có thể có được trong hai điều kiện: hoặc thời kỳ lịch sử đang nói phải ở thời gian cách xa với nhà cầm quyền đương đại, hoặc việc viết sử là do tư nhân độc lập đảm trách một cách tự nguyện như trường hợp của Tư Mã Thiên đối với bộ *Sử ký* có một không hai trong lịch sử sử học của nhân loại.

Mặc dù những lý do nêu trên về các điều kiện nghiệt ngã để có được những bộ sử trung thực, về mặt lý thuyết chúng ta vẫn còn có thể nêu thêm những thực tế khác để xem xét vấn đề một cách tường tận thấu đáo thêm. Có một điều kiện lý tưởng vẫn còn nêu ra được, đó là nhà cầm quyền cũng

phải trung thực nếu thật sự vì dân, nhận thức sự trung thực trong sử học như một điều quan trọng cần thiết có lợi ích lâu dài cho cả dân tộc, theo nghĩa lịch sử là tấm gương soi chung và là những bài học kinh nghiệm cần để rút tỉa cho công cuộc xây dựng tương lai đối với tất cả mọi thành viên công dân, và đối với đất nước, mà nếu trung thực thì tốt hơn là làm ngược lại. Để có sự trung thực, lẽ tất nhiên phải coi chân lý khoa học và lợi ích của nhân dân là luật pháp tối thượng, có tầm nhìn thần thông quảng đại, rộng mở, do đó sẽ không nhìn lịch sử hay nhân vật lịch sử bằng một tâm địa nhỏ nhen tầm thường. Một thực tế khác có thể cho thấy các nhà viết sử phương Tây dường như phóng khoáng hơn. Nếu các nhà sử học phương Tây (chủ yếu Pháp, Mỹ) cận hiện đại mà viết sử với một tâm hồn nhỏ nhen, không tôn trọng sự thật lịch sử hoặc chỉ vì những cái danh hão hay quyền lợi dân tộc hẹp hòi, chắc chắn họ sẽ bôi nhọ một số nhân vật lịch sử Việt Nam vốn từng là nguyên nhân gây ra sự chiến bại của quốc gia họ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. Trái lại, họ thường đã mô tả một số nhân vật lịch sử Việt Nam như Nguyễn Thái Học, Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp... với một lòng kính ái đặc biệt, đưa tên vào từ điển, một phần cũng nhờ vậy mà nước Việt Nam đến nay được rất nhiều quốc gia khác trên thế giới biết đến một cách trân trọng.

Trái lại với những thí dụ vừa kể trên đây là trường hợp một số sử gia Trung Quốc từ lâu và nhất là gần đây đã cố gắng bóp méo sự thật lịch sử, “tự viên kỳ thuyết” (vo tròn các sự kiện cho khớp với lý luận chủ quan của mình) để chứng minh các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là thuộc chủ quyền Trung Quốc, tự đặt ra đường chữ U chín đoạn để chiếm hữu hầu hết diện tích biển Đông. Làm như vậy trước mắt Trung Quốc nếu có thể lấy được Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam vĩnh viễn (?) thì đó chỉ là một lợi ích nhỏ thiểu cận, hậu quả xấu lâu dài là làm cho nhân dân Trung Quốc tập nhiễm tư tưởng thực dụng thô thiển cùng thói quen nói láo, và như thế đã góp phần tiêu cực phá hoại cả nền văn hóa Trung Quốc vốn dĩ có rất nhiều nhân tố truyền thống tốt đẹp mà tổ tiên của họ với những Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Tử, Tuân Tử... đã dày công xây đắp trong suốt mấy ngàn năm lịch sử. Đây là một trường hợp lợi bất cập hại khá rõ ràng có thể đem ra dẫn chứng cho lối làm việc bằng tâm địa nhỏ nhen không tôn trọng chân lý khoa học và lịch sử.

Đến đây có thể thấy rõ, trong khá nhiều trường hợp, sự chi phối của những quyền lợi chính trị nhất thời mang tính phe nhóm đôi lúc có hại khi đặt toàn bộ vấn đề lợi ích ở mức độ dân tộc hay nhân loại trên một bình diện rộng lớn hơn, và có thể tạm rút ra một hệ luận: công việc nghiên cứu lịch sử, để có được tính trung thực cần thiết, đòi hỏi sự tôn trọng tính độc lập tự do của các sử gia, dù sử gia đó là tư nhân (như Trần Trọng Kim chẳng hạn) hay là người đang hoạt động trong những cơ quan chuyên trách về sử học, giáo dục của nhà nước cũng vậy.

Ngoài khía cạnh quan điểm ra, nhiều sự kiện thuộc về sự thật lịch sử thể hiện trong các sách giáo khoa cũng cần được xem xét lại để điều chỉnh. Phong cách viết sử theo lối tự hào dân tộc hẹp hòi quá đáng hay theo kiểu “tốt khoe, xấu che”, “ta thắng, địch thua” cũng cần phải loại bỏ. Trong một bài viết (tạp chí *Tia sáng* số 9, ra ngày 5/5/2008), GS-NGND Nguyễn Văn Chiển (đã quá cố), khi nói về tính dũng cảm, khiêm tốn và trung thực của người trí thức, đã nhắc lại câu chuyện của nhà sử học Trần Huy Liệu và nhân vật Lê Văn Tám. GS Chiển, trong ý tưởng đòi hỏi tính can đảm trung thực phải có của người trí thức, đã nhắc khen ông Nguyễn Mạnh Tường và ông Trần Đức Thảo, hai nhân vật trí thức Việt Nam lỗi lạc có thời gian vì trung thực đóng góp ý kiến xây dựng cho việc chung nhưng không hợp quan điểm “chính thống” mà bị “rút phép thông công”, phải chịu oan chịu khổ trong hầu như suốt quãng đời còn lại (riêng Trần Đức Thảo sau khi chết, vài năm trước đã được minh oan công khai).

Như vậy, để nối tiếp ý kiến GS-NGND Nguyễn Văn Chiển, thiết tưởng đến lúc này, sau khoảng nửa thế kỷ, một vài nhân vật khác trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm cũng như toàn bộ vấn đề Nhân Văn Giai Phẩm cũng nên được giới nghiên cứu văn-sử học đưa vào bàn hội nghị đánh giá lại một cách khách quan, công khai để rút ra thêm nhiều bài học quý báu khác. Làm được như vậy, giới văn học và sử học Việt Nam ghi thêm được một thành tích chói lọi mới, đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và chắc chắn sẽ được mọi người mọi giới cả trong lẫn ngoài nước hoan nghênh nhiệt liệt vì đã góp phần làm thay đổi hẳn bầu không khí hoạt động văn hóa-tư tưởng theo chiều hướng tích cực nhất.

Cái “vùng cấm” Nhân Văn Giai Phẩm (1956-1958) không có văn bản giấy tờ tồn tại đúng năm chục năm nay trên thực tế đã được cả xã hội giải cấm dần vì trong những khoảng thời gian gần đây, không ít tác giả thuộc nhóm Nhân Văn Giai Phẩm đã có tác phẩm được in, thậm chí còn được cả giải thưởng. Lai rai đâu đó người ta đã bớt ngại khi công khai nhắc đến tên tuổi của nó, thậm chí còn mạnh dạn khen ngợi, như có thể kể trường hợp ý kiến của luật gia Lê Hiếu Đằng (Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, TP Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ Bảo trợ Giáo dục và Đào tạo TP HCM) phát biểu trên báo *Tuổi trẻ* (16/5/2008) khi người ta hỏi ông về thơ của một số tác giả trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm: “*Hiện nay thì tôi đang... lai rai thơ Phùng Quán, Trần Dân. Đọc “Chống tham ô lãng phí” của Phùng Quán làm năm 1956 mà thấy còn nguyên tính thời sự, như mới làm đây thôi. Tôi thuộc lòng bài “Nhất định thắng” của Trần Dân khi còn là sinh viên, giờ đọc lại vẫn thấy đầy xúc động... Phùng Quán, Trần Dân là những nhà thơ tài năng của Việt Nam. Họ là những người đi trước, thơ của họ mang tính dự báo rất lớn. Cái hay chính là ở tính dự báo đó. Cứ lật lại những trang thơ của họ mà xem, những điều họ nói cách nay mấy chục năm bây giờ đang xảy ra, nhức nhối, đau lòng*”.

Tại đây xin được mở thêm dấu ngoặc, trong *Từ điển Văn học* (bộ mới, 2004), một công trình đang được dư luận xã hội đánh giá cao, nhiều tác giả thuộc nhóm Nhân Văn Giai Phẩm đã được đưa vào giới thiệu một cách trân trọng, như Hữu Loan, Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường, Phùng Quán, Trần Dần v.v..., nội dung cũng nêu sơ lược những nhân vật này đã bị kỷ luật như thế nào sau khi tham gia vào nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Nhưng quyển từ điển giá trị nêu trên lại cũng còn có chút úy kỵ tránh né khi nó không cung cấp cho người sử dụng từ điển mục từ “Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm” (trong khi những nhóm khác như Đông Dương Tạp Chí, Hàn Thuyên, Nam Phong, Sáng Tạo, Tân Dân, Thanh Nghị, Tri Tân đều có đủ), nên khi cần tra cứu thì chẳng có để mà tra. Nếu các sinh viên, học sinh vì tiếp tục thắc mắc cứ phải đi tra tìm ở những tài liệu công bố “lậu” ở đâu đó thì có khi lại nguy, hiểu theo nhiều nghĩa “nguy” khác nhau. Sự thiếu sót có lẽ bất đắc dĩ này tuy có thể thông cảm được, nhưng dù sao như thế cũng làm cho một bộ từ điển lớn, đáng tiêu biểu cho cả nước lại bị sai quy cách của khoa từ điển học, và điều này càng cho thấy sự cần thiết phải sớm đem vấn đề ra công khai phân tích mổ xẻ, hầu tránh cho giới nghiên cứu văn học-sử học những thứ nhếch nhác rụt rè không cần thiết. Làm văn học-sử học mà nhếch nhác rụt rè thì thật khó coi và không thể chấp nhận được, vì không còn chi để gọi là “học” nữa! Chung quy cũng vẫn là cần sự can đảm, lòng trung thực và tính liêm chính trí thức của các nhà nghiên cứu văn học-sử học.

Một số sự kiện lịch sử hay cách đánh giá nhân vật lịch sử, nếu được điều chỉnh đúng, sẽ dẫn đến một số hệ quả thực tế tích cực tất nhiên trong đời sống người dân cũng như trong một phần của công tác giáo dục, như trường hợp tên ông Kim Ngọc đã được chọn để đặt tên đường và tên vài trường học ở Vinh Phú khoảng sáu năm trước, sau khi quan điểm về khoán sản phẩm trong nông nghiệp của ông Kim Ngọc có lúc bị kết án sai lầm đã được đánh giá lại tỏ rõ. Tương tự như thế, tượng Phan Thanh Giản và trường học mang tên ông đã được phục hồi tại Bến Tre, tượng Lê Văn Duyệt đã được an vị tại Lăng Ông-Bà Chiểu... Chúng ta ngày nay có thể cần những điều đó vì lý do chính trị này khác nhưng các vị được tôn vinh dường như cũng không mấy cần. Với cái đà này, nếu nghĩ một cách trung thực, rồi đây người ta cũng phải nghĩ đến việc đổi tên các công viên, rạp hát, trường học mang tên Lê Văn Tám thành công viên Lê Văn Duyệt, công viên Gia Long, rạp hát Đào Tấn, trường Trương Vĩnh Ký, trường Phạm Quỳnh... chẳng hạn.

Về mặt khách quan, cũng là sự thật lịch sử và chân lý cuộc đời, kẻ thù không phải lúc nào cũng xấu, còn “phe ta” thì luôn tuyệt vời. Hơn nữa cũng không có ai là kẻ thù thật sự hay vĩnh viễn, kể cả trong cùng một đất nước, một nòi giống hay giữa dân tộc này với dân tộc khác. Người Mỹ phải rút quân thảm hại trong cuộc chiến tranh Việt Nam năm 1975, trước đó họ có thể làm mọi cách để ngăn chặn “làn sóng cộng sản”, dội bom miền Bắc, nhưng không có sử gia hay nhà báo nào của Mỹ viết sách để bôi nhọ Việt

cộng, mà chỉ cố gắng phân tích mọi khía cạnh để “biết người biết ta”, hiểu cho được tại sao họ thất bại ở Việt Nam mà thôi. Đúng về mặt này, người Mỹ như thế cũng có khía cạnh “mã thượng” tuy chưa phải thật sự anh hùng. Trong lịch sử Việt Nam, đã có trường hợp Lê Lợi-Nguyễn Trãi đánh tan xong giặc Minh còn cấp cho quân địch 500 chiếc thuyền với lương thực đầy đủ để chạy về cho tiện, một hành vi rất là “mã thượng” của người xưa.

Có một phong cách viết sử không cần bôi bác kẻ thù, mà cứ việc xảy ra thế nào kể lại thế ấy theo đúng những tài liệu chữ viết hoặc truyền khẩu đã thu thập được. Có thể kể trường hợp sách *Bản triều bạn nghịch liệt truyện* của học giả Giá Sơn Kiều Oánh Mậu, soạn năm Thành Thái thứ 13 (1901). Đây là cuốn sách của một ông quan triều Nguyễn viết về những kẻ phản nghịch chống lại “bản triều”, nhưng cách thuật chuyện và thể hiện các nhân vật phản diện lại khách quan sinh động, còn cho thấy được những nét ưu điểm, khả ái và khí phách cá nhân của những kẻ bị tác giả xếp vào thành phần phản loạn, như Lê Văn Khôi, Cao Bá Quát và rất nhiều người khác...

Cuộc đời thực, tức cũng là lịch sử, luôn phải có kẻ vầy người khác. Có kẻ xấu kẻ phản dân hại nước thì tính cách của người tốt người yêu nước mới bộc lộ rõ và được tôn vinh. Anh hùng tạo thời thế nhưng thời thế cũng có thể làm nên anh hùng. Nếu không có những cuộc loạn lạc thời cuối Xuân thu đầu Chiến quốc thì cũng không có những học thuyết của Nho gia, Đạo gia, Pháp gia... nở rộ, để lại những tinh hoa di sản tư tưởng của phương Đông ngày hôm nay. Thời thế tức là cái hôm nay chúng ta gọi “bối cảnh lịch sử” mà khi nghiên cứu bất kỳ một biến cố, phong trào, học phái nào, người nghiên cứu cũng không thể không xét đến nơi đến chốn. Tương tự như vậy, nếu không có cái xấu của chủ nghĩa tư bản man rợ thế kỷ 19 thì cũng không có nhân vật Marx và chủ nghĩa Marx xuất sắc; không có thực dân Pháp xâm chiếm Việt Nam thì cũng không có một Phan Bội Châu hay một Hồ Chí Minh với sự nghiệp lẫy lừng... Trong lịch sử Việt Nam từng có những hạng trí thức không được dũng cảm cho lắm, vì tình thế bức bách phải lưu vong chạy theo quân giặc cho yên thân, như Trần Ích Tắc và Lê Tắc trong trận giao chiến với quân Nguyên đời Trần, nhưng họ cũng chưa kịp làm điều gì đồi bại đến nỗi, chỉ mong “cầu toàn tính mệnh ư loạn thế”. Riêng Lê Tắc khi trốn sang Tàu còn viết được bộ sử *An Nam chí lược* để đời, được một người đương thời viết lời tựa khen là “không thua gì sách của Tư Mã Thiên và Ban Cố hồi trước”, đã được cả Việt Nam và Trung Quốc in lại nhiều lần như một sử liệu có giá trị tham khảo tốt. Nếu buộc Lê Tắc phải là một nhân vật anh hùng, và trong bộ sử giá trị nói trên, phải nói xấu ít nhiều gì đó về kẻ thù Trung Quốc lúc bấy giờ thì ngày nay chúng ta cũng không có bộ *An Nam chí lược*...

Bình luận về con người trong lịch sử vì thế không thể thiếu sự thông đạt chính trị nhân tình, và đức công bằng, luôn biết đặt con người vào trong hoàn cảnh cá nhân cùng với những mối tương tác nhân quả của các sự kiện

chi phối bên ngoài, trên cái nền chung những bi kịch và nỗi thống khổ của nhân sinh và trong cái trào lưu sinh hoạt bất tuyệt của cuộc đời, từ đó có được quan điểm phóng khoáng mang chất triết lý sâu hơn về cuộc sống để có thể tiếp cận với chân lý lịch sử một cách khách quan toàn diện hơn, góp phần xây dựng một nền văn hóa hòa bình không mang tính sát phạt vì các kiểu thái độ cực đoan, phiến diện, căm thù có tính nguyên thủy của loài người chưa văn minh. Đó có lẽ cũng là thế giới quan hình thành nên thái độ, cách nhìn cùng những ý kiến bình luận đánh giá thâm trầm sâu sắc của Tư Mã Thiên (trong các bài “Tán”, bài “Tự”) đối với một số nhân vật và sự kiện lịch sử tiêu biểu ở Trung Quốc cổ đại, làm cho bộ *Sử ký* của ông trở thành một bộ sách sử-triết-văn chương khuôn mẫu bất hủ.

Văn hóa là cái gì còn tồn tại bền lâu trong tâm trí, bàng bạc trong cách ứng xử hiện tại của con người sau khi mọi sự kiện, nhân vật, chế độ chính trị... đã qua đi. Mà bao nhiêu sự kiện, nhân vật, chế độ chính trị trong quá khứ đều đã phải tuân tự cứ qua đi như thế trong trường kỳ lịch sử, bất chấp cả không gian và thời gian. Nhân vật lịch sử không nhất thiết phải là danh nhân, họ đều là con người nên có mặt tốt mặt xấu, có những lúc yếu mềm lầm lỗi nhẹ dạ, rồi ai cũng ra người thiên cổ dù đi trong gió ngược hay xuôi, nhưng tất cả đều có vai trò riêng trong một bối cảnh lịch sử nhất định. Việc đánh giá lịch sử cũng như các nhân vật lịch sử nếu chính xác, sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với lớp người đi sau chứ không phải cho lớp người trước, hiểu như là những bài học kinh nghiệm quý báu để rút tĩa áp dụng cho cuộc sống hiện tại và tương lai lâu dài, vì thế phải được thực hiện một cách khách quan và thận trọng, không nên dễ bị ảnh hưởng bởi bất kỳ định kiến hay loại quan điểm chính trị thực dụng nhất thời nào.

Đến đây, chúng ta đã lặp đi lặp lại khá nhiều cái gọi là rút tĩa kinh nghiệm lịch sử, thế thì những con người hiện sống thực tế có thể học được những gì từ trong những bài học đã có sẵn trong lịch sử? Trước hết, muốn học được điều gì thì lịch sử phải là lịch sử của sự thật, của những sự kiện và biến cố có thật đúng như chúng đã diễn ra trong quá khứ. Lịch sử được viết nên một cách giả dối do sự thêm thắt, thêm bớt hoặc tưởng tượng, gán ghép đầy định kiến thì không thể dùng để tham khảo học hỏi gì được, nếu không muốn nói là có hại. Bài học lịch sử là cái có sẵn, bất di bất dịch, điều quan trọng thuộc về cách con người biết tham khảo nó sáng suốt ra sao để hướng dẫn cho những hành động trong hiện tại và hướng tới xây dựng tương lai. Có những kinh nghiệm thành công và những kinh nghiệm thất bại, y như lẽ thường tình thành bại của con người (không có gì xấu), trong cách làm, cách hành xử liên quan đến việc trị nước tổng quát cũng như với từng công việc cụ thể đã được áp dụng trong những tình huống khác nhau. Kinh nghiệm nào nếu biết áp dụng cũng đều tốt nhưng riêng những kinh nghiệm thất bại thì thường quý hơn, trước hết giúp tránh được vết xe đổ của những người đi trước (tiền xa chi giám). Chính vì lẽ đó công việc ghi lại

lịch sử càng đòi hỏi gắt gao tính trung thực, phải nêu đủ cả những chuyện xấu và những việc thất bại, kể cả “những cuộc bại trận thê thảm của quân ta”... Trái lại, khuynh hướng cường điệu ca tụng khía cạnh những võ công oanh liệt, lặp đi lặp lại quá nhiều, thường ít có giá trị thực tế mà còn làm cho người ta trở nên kiêu mạn, mất ý thức, mất cảnh giác vô cùng tai hại. Chiến tranh là hành động bất đắc dĩ nếu không muốn nói là xuẩn ngốc, bởi nó luôn đem lại sự đau thương chết chóc cho tất cả các bên tham gia chiến cuộc. Trong mọi cuộc chiến tranh đều có kẻ thắng người thua, nhưng chiến công của một người hay nhóm lớn người này lại là sự đau khổ và thua thiệt của nhóm người khác chiến bại, nên nếu đứng từ góc độ nhân bản sẽ chẳng thấy có gì đáng để tự hào. Chiến tranh gây nên cái cảnh “đồng xương vô định đã cao bằng đầu”, hay “nhất tướng công thành vạn cốt khô”... của biết bao thế hệ con người. Ở Úc và Tân Tây Lan, người dân chọn ngày 25 tháng 4 hàng năm làm ngày Anzac, một lễ lớn mang tính dân tộc, với lễ hội tưng bừng (còn hơn cả Quốc khánh Úc 26/1, Tân Tây Lan 6/2), không phải để kỷ niệm chiến thắng mà để ghi nhớ chiến bại. Đó là một ngày vào năm 1915, trong Thế chiến lần thứ nhất, liên quân Úc-Tân Tây Lan đã đổ bộ vào Gallipoli của Thổ Nhĩ Kỳ với hơn 8.000 lính Úc và 2.700 lính Tân Tây Lan bị thiệt mạng, và từ đó đến nay nhân dân cả hai nước đều coi đó như một kinh nghiệm thất bại, tuy có bi hùng nhưng nếu tránh được càng tốt, vì dù sao cũng là một chuyện đau thương chung cho cả hai dân tộc.

Ở Hoa Kỳ, sau cuộc nội chiến Nam Bắc năm 1865, các sĩ quan và binh sĩ dưới quyền của tướng Lee miền Nam thua trận đã không bị giam giữ như tù binh chiến tranh. Những binh sĩ chết trận của cả hai phe thắng bại đều được chôn xen kẽ trong cùng một khu mộ, nơi có tấm bia ghi rõ “Nơi đây là chỗ nằm xuống của tất cả những người vì nước Mỹ”. Hết chiến tranh thì không còn hận thù, mà bắt tay đoàn kết nhau ngay để cùng nhau xây dựng hướng đến tương lai, đó cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu giúp cho nước Mỹ mau trở thành một cường quốc thế giới.

Đọc lại câu chuyện cũ nước Mỹ sau khi tướng Lee thua trận, ai trong chúng ta mà không cảm động đến rơi nước mắt: Tướng Lee đứng dậy, lần lượt bắt tay các sĩ quan trong Bộ Tham mưu của tướng Grant (phe miền Bắc thắng trận), bắt tay tướng Grant, nghiêng mình chào tất cả mọi người có mặt và bước ra khỏi phòng họp. Tướng Grant và ban sĩ quan tham mưu đã đứng sẵn ở bao lơn trước căn nhà, nơi đôi bên nghị hòa. Khi ngựa tướng Lee rảo bước đi qua, cặp mắt của hai vị tướng quân chạm nhau trong giây phút, họ đồng ngả nón chào nhau. Trên bao lơn xung quanh tướng Grant và suốt trong sân trước căn nhà lịch sử, sĩ quan và binh sĩ miền Bắc đều đưa tay chào kính vị tướng bại trận quân đội liên hiệp miền Nam. Tin đồn tướng Lee đầu hàng tràn lan mau chóng như thuốc súng. Khắp nơi binh sĩ miền Bắc reo mừng... Thế nhưng tướng Grant nhanh chóng ra lệnh ngưng ngay tức khắc những biểu lộ nổi vui mừng của binh sĩ miền Bắc. “Rồi sẽ có ngày

mừng chiến thắng”, tướng Grant giải thích, “Nhưng không phải là ngày hôm nay. Quân đội miền Nam đã đầu hàng. Chúng ta không được phép reo mừng trên chiến bại của họ. Điều quan trọng với tướng Grant là phải làm sao để thắng trận, đồng thời cũng phải gìn giữ cho bằng được sự toàn vẹn tình cảm giữa những người cùng trong cộng đồng dân tộc Hoa Kỳ.

Câu chuyện lịch sử vừa kể lại trên đây đáng là một tấm gương tốt về hòa hợp dân tộc, xóa bỏ hận thù, và những bài học lịch sử như thế mới thật sự lợi ích trong ý nghĩa giáo dục chủ nghĩa nhân đạo và tinh thần nhân bản cho các thế hệ mai sau, thay vì hình ảnh ngược lại là những nhà tù sau chiến tranh như ở một số nước khác, chỉ làm cho “oan oan tương báo”, “oán oán chập chùng”.

Viết sử là loại công việc công phu tốn nhiều thời gian, ngoài tôn trọng sự thật trên cơ sở bám sát sử liệu còn đòi hỏi phải có sự nghiên cứu sâu xa, nêu lên được những bài học tham khảo cho các thế hệ hiện tại và tương lai, góp phần vun đắp nhân bản, nên không thể có sự tùy tiện, định kiến, gán ghép bóp méo sự thật, buồn vui yêu ghét thất thường, nay vậy mai khác, hay dựa dẫm quyền thế, xu phụ theo miệng nhà quan. Hai vợ chồng nhà sử học lừng danh người Mỹ Will và Ariel Durant (Will sinh năm 1885) bỏ ra đến 39 năm soạn bộ *Câu chuyện của nền văn minh* (bản tiếng Anh 10 cuốn, bản tiếng Pháp 33 cuốn với trên 14.000 trang), như vậy mà vẫn cứ nơm nớp lo sợ rằng mình chưa đủ tư liệu để tái hiện diện mục lịch sử một cách trung thực. Khi gần cuối đời, họ đã viết thêm một quyển nhỏ cuối cùng lấy nhan đề *Bài học của lịch sử* như để thay lời kết luận cho toàn bộ sách, đúc kết lại rằng thời nào, nước nào trước kia cũng có những kẻ loạn luân, độc ác; đâu đâu cũng có tình trạng độc tài, tham nhũng, lạm quyền, cùng những thứ khác như dịch bệnh, chiến tranh v.v., song song với những hành vi có tính cách xây dựng tích cực của loài người. La Quán Trung mở đầu cuốn tiểu thuyết lịch sử *Tam quốc diễn nghĩa* của mình bằng câu ngắn gọn “Thiên hạ hết loạn lại trị, hết trị lại loạn...”, dường như đã thu tóm hết được yếu tính phổ quát của lịch sử. Tuy nhiên con người vẫn chưa chịu bó tay phó thác cho định mệnh, nên lịch sử cũng còn ghi lại được biết bao suy ngẫm, nỗ lực, công trình văn hóa, vật chất của con người để nhằm phát huy những mặt tích cực, hạn chế các mặt tiêu cực. Đã có một số nước, một số nơi nêu được những tấm gương thành công trong việc không ngừng cải tiến những phương pháp và định chế cai trị nhằm tạo lập sự ổn định khá hơn, ít nhất là trong phạm vi của nước họ để ổn định xã hội, cải thiện cuộc sống người dân, hạn chế nạn độc tài, độc quyền, bằng cách áp dụng khế ước xã hội dưới hình thức chấp hành chung bản hiến pháp cùng những định chế dân chủ chính trị khác. Đó có lẽ cũng là bài học lịch sử chung to lớn mà một số dân tộc khác còn đang lao đao lặn lội trong cảnh nghèo khổ bệnh tật và trong các chế độ độc tài nên suy ngẫm, tham khảo và phấn đấu.

Hiếu lịch sử, theo nghĩa tích cực nhất là để yêu thương con người hơn, tạo được mối đồng cảm, trên cơ sở thấy được những mối dị biệt và hoàn cảnh khác nhau giữa các dân tộc, không phân biệt chế độ chính trị, màu da, trình độ phát triển, từ đó thúc đẩy sự đoàn kết hợp tác để cùng nhau chống chọi lại những thiên tai, bệnh tật, rủi ro đang đe dọa con người mỗi lúc một thêm hung hãn dồn dập trong điều kiện của cuộc khủng hoảng môi sinh toàn cầu hiện nay. Tấm lòng người viết sử vì thế cũng phải bao la, nhân đạo, mới có thể đảm đương được sứ mệnh, và mới đủ trù lên được những gì mà kho lịch sử phong phú của quá khứ muốn khai thị lại cho con người.

Tuy nhiên, muốn rút tỉa được những kinh nghiệm và bài học lịch sử như trên đã bàn để áp dụng cho cuộc sống hiện tại và tương lai thì không thể không nói đến hiệu quả của việc học sử-dạy sử trong các nhà trường từ tiểu học đến đại học. Đáng tiếc, tình trạng chán học môn lịch sử của học sinh, sinh viên Việt Nam đã và đang gia tăng và ngày càng thêm trầm trọng. Đây là một hiện tượng đã được phát giác và cảnh báo từ khá lâu, như kết quả một cuộc điều tra của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP Hồ Chí Minh hồi năm 1999 cho thấy, với 1.800 người được hỏi, có tới 39% không biết Hùng Vương là ai; 49% không biết Trần Quốc Toản là ai; hoặc như trong một báo cáo khác cho thấy 44% trên 468 sinh viên được hỏi không biết Chu Văn An là ai (Xem Phan Thành Nhơn, “Việc phổ cập kiến thức lịch sử hiện nay”, tạp chí *Xưa và Nay*, 6/1999, tr. 27).

Trước tình trạng có vẻ bi quan như trên, đã có biết bao nhà giáo, nhà sử học và các bậc thức giả cao minh tâm huyết tham gia bàn luận một cách tương đối rít ráo, trên các diễn đàn báo chí, mà nếu tổng hợp lại, người ta sẽ có dư thừa ý kiến để biết được nguyên nhân và giải pháp khắc phục, không cần thiết phải tổ chức thêm những cuộc hội thảo rườm rà, tốn kém như ngành giáo dục đang có ý định làm. Trong số các nguyên nhân được nêu ra, có nguyên nhân liên quan đến vấn đề đang xét, đó là quan điểm, phương pháp và thái độ giáo điều trong hoạt động nghiên cứu sử học từ trước tới nay. Các nhà sử học vì thế càng bị động tâm nhiều hơn do họ thấy tận mắt hậu quả: **điểm thi môn sử thấp không ngờ** trong kỳ thi đại học-cao đẳng năm 2011 vừa qua, với kết quả hầu hết học sinh đều đạt điểm 0 hoặc gần với điểm 0, trên cả nước! Nhưng chính họ cũng thuộc thành phần tòng phạm, chịu một phần trách nhiệm của tình trạng bất như ý như thế, qua những cuốn sách giáo khoa biên soạn độc quyền, không đảm bảo được kiến thức trung thực về lịch sử, như mọi người đều đã biết.

Lý thuyết phân vân, giờ nói ra được một phần sự thật, coi như cũng đợi điều kiện chín muồi của lịch sử mới “tát nước theo mưa”, đã trễ nhưng chưa quá trễ, và còn đáng mừng, vì đã bắt đầu có những tín hiệu lạc quan hơn, như lời khẳng định chân thật của GS sử học Đinh Xuân Lâm, người

cũng đã từng chủ trì các sách giáo khoa môn sử cho một số cấp lớp phổ thông trước đây nói rằng: *“Từ lâu chúng tôi đã rất đau đầu để chứng minh một cách khoa học và giản dị với các nhà quản lý giáo dục là chúng ta đang hiểu sai về môn lịch sử. Đó không phải là một môn giáo dục, tuyên truyền chính trị thông qua các sự kiện và con số, mà là một môn khoa học với tất cả sự hấp dẫn và khó khăn của nó. Lịch sử cần được nghiên cứu và trình bày một cách khách quan, không thiên kiến thì mới tạo ra sự hấp dẫn được. Tôi dạy sử hơn nửa thế kỷ, tôi biết trẻ em lứa nào cũng yêu thích môn lịch sử. Chính người lớn làm cho nó hết yêu”* (Báo Tuổi trẻ, số ra ngày 1/8/2011).

Nhưng người lớn là ai? Ngoài các nhà quản lý giáo dục phải chịu trách nhiệm tương đối trực tiếp ra, còn có các nhà sử học đầu đàn như ông không, và rồi ai nữa, thì ông Đinh Xuân Lâm chỉ dừng lại chỗ đó mà không chịu nói rõ!

19/5/2008-10/8/2011

T V C

TÓM TẮT

Tác giả bài viết bàn chung vấn đề quan điểm, phương pháp và thái độ nghiên cứu sử học trên cơ sở cho rằng công việc nghiên cứu lịch sử cũng như viết sử trước tiên đòi hỏi phải có tính độc lập khách quan và tôn trọng sự thật lịch sử. Chính chủ nghĩa giáo điều trong hoạt động nghiên cứu các khoa học nhân văn nói chung và sử học nói riêng trong mấy chục năm nay đã từng chi phối dẫn đến những nhận thức cực đoan, sai lầm trong cách trình bày, đánh giá một số nhân vật và sự kiện lịch sử, cũng như đã có những sự hiểu sai về mục đích đích thực của bộ môn sử học. Cách làm việc như thế đã gây nên rất nhiều tai hại, gây trở ngại đáng kể cho nỗ lực hòa giải hòa hợp dân tộc, và một trong những hậu quả nghiêm trọng khác nữa là tình trạng chán học môn lịch sử của hầu hết học sinh Việt Nam hiện nay, từ tiểu học cho đến bậc đại học.

ABSTRACT

SOME DISCUSSION ON THE VIEWPOINT, METHOD AND ATTITUDE OF DOING RESEARCH OF HISTORY

The author discusses about the issues of viewpoint, method and attitude of doing research of history on the basis of independent, objective requirements and respect of historical truth. It is the domination of dogmatism in research of human sciences in general and history in particularly during recent years that leads to extreme perception and deviation in interpreting or evaluating some historical figures and events, as well as misunderstanding real purpose of history. Such method of working has caused significant obstacles to efforts of national reconciliation and dislike of studying history of most Vietnamese students, from elementary to university level.